

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thống.

Bà Nguyễn Thị Bé Riêng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cg, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm: 1984 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt không lý do*).

Nơi đăng ký HKTT: ấp RM, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh D là Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 05-11-2007 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 29-01-2009 (*Cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Cùng địa chỉ: khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 19-11-2021, bản tự khai ngày 15-3-2022, biên bản lấy lời khai ngày 10-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, tiến hành lễ cưới vào năm 2007, đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã NL vào ngày 10-7-2009. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán hết vàng cưới để chi tiêu chung nên hiện nay không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng ra riêng sống tự lập bên quê của bà ở khóm a, thị trấn C. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông M không chăm lo làm ăn mà thường xuyên rượu chè say xỉn rồi về vô cớ đập phá đồ đạc trong nhà, chửi mắng, hành hung bà, vợ chồng xảy ra nhiều lần cự cãi, có nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp. Vì thương con, bà cố gắng chịu đựng, chờ ông M thay đổi tính tình, nhưng ông M không sửa đổi mà còn phát sinh thêm. Thời gian bà nộp đơn ly hôn ra Tòa án (từ tháng 11 năm 2021), thì ông M cũng bỏ về sống bên nhà cha mẹ ruột của ông M ở ấp RMát, xã NL cho đến nay. Và đây cũng là thời gian bà sống ly thân với ông M mà không thể hàn gắn lại.

Về con chung: Bà và ông M có hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 05-11-2007 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 29-01-2009, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn tùy nguyện vọng của hai con muốn sống chung với cha hoặc mẹ đều được, chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông M không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông M, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, bà không nộp thêm chứng cứ mới để Tòa án xem xét. Bà thuộc diện chính sách hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thanh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-6-2022, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh D đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có làm lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL vào ngày 10-7-2009. Có nữ trang ngày cưới nhưng lâu quá ông không nhớ số lượng, trọng lượng và trong quá trình chung sống vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau về kinh tế và sinh hoạt trong gia đình. Nhưng theo ông chỉ là những mâu thuẫn thông thường trong cuộc sống hôn nhân, chứ không phải là mâu thuẫn trầm trọng. Ông thừa nhận nhiều khi do uống rượu say, nên lúc cự cãi với bà D do nóng tính nên ông có ra tay đánh bà D một hai cái tát tai. Từ đó mà bà D giận ông mới nộp đơn ly hôn ra Tòa. Hiện nay ông xác định còn thương vợ, nên mong muốn hàn gắn. Trường hợp bà D cương quyết ly hôn với ông thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông thống nhất về con chung như bà D đã trình bày.

Ông cũng thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả với bà D, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ông không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông M tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

* *Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 15-3-2022, cháu Nguyễn Thị Thanh Q và cháu Nguyễn Quốc T cùng trình bày*: Cha mẹ của hai cháu là Nguyễn Thị Thanh D và Nguyễn Văn M. Từ nhỏ đến nay hai cháu sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được sống chung với mẹ.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh D: Cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn M; Về con chung là Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 05-11-2007 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 29-01-2009 giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà D (do thuộc hộ cận nghèo có đơn xin miễn) và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Thanh D là nguyên đơn, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D theo luật định. Đối với ông Nguyễn Văn M là bị đơn, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông M đều vắng mặt không lý do. Ngày 22-7-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ ông M để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông M vắng mặt không lý do. Ngày 01-8-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông M để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông M vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL vào ngày 10-7-2009, nên hôn nhân của bà D, ông M là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2014, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân do ông M thường xuyên say xỉn, không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, nhiều lần chửi mắng, xúc phạm, đánh bà và đập phá đồ đạc trong nhà, có nhờ đến chính quyền địa phương nơi cư trú can thiệp. Bà nhiều lần khuyên chồng nhưng ông M vẫn không thay đổi, nên bà đã làm đơn xin ly hôn và sống ly thân với ông M từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà D cương quyết ly hôn với ông M. Đối với ông Nguyễn Văn M biết việc bà D xin ly hôn với ông, được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,... nhưng ông vẫn không đến Tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông với bà D có khả năng hàn gắn hạnh phúc.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà D, ông M xác lập hôn nhân từ năm 2007, đăng ký kết hôn vào năm 2009, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài hơn 05 năm. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, đã có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến cự cãi, thậm chí xảy ra xô xát, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ*

sống chung với nhau, ...”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Nhưng bà D, ông M đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 04-7-2022 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp RM, xã NL, với người thân của ông M (từ bút lục số 41 đến 44) cho biết: Sau ngày cưới, bà D, ông M có về sống chung gia đình cha mẹ ruột ông M ở ấp RM một thời gian rồi mới ra riêng sống tự lập tại khóm a, thị trấn C. Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa bà D với ông M thì chính quyền địa phương và người thân không nắm rõ, nhưng có biết giữa bà D, ông M có xảy ra cự cãi với nhau, ông M khi nhậu nhẹt say xỉn thì về chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Công an thị trấn C có xác nhận ngày 10-6-2022 về nội dung này (bút lục số 40). Thời điểm bà D nộp đơn ly hôn tại Tòa, thì ông M bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột tại ấp RM, xã NL, sau đó ông M tự ý bỏ đi khỏi địa phương mà không khai báo tạm vắng và nơi đến, nên chính quyền địa phương và người thân không biết được ông M hiện nay đang sinh sống, làm gì ở đâu. Quá trình chung sống, bà D với ông M có hai người con (một trai, một gái) đang sống với bà D ở khóm a, thị trấn C; Bà D, ông M không có tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Việc bà D xin ly hôn với ông M, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 15-3-2022, 10-6-2022 để bà Dung, ông Miền có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông M đều vắng mặt không lý do. Ông M không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà D, mà còn bỏ khỏi địa phương và không thông báo nơi đến cho Tòa án biết.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà D, ông M đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông M là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà D được ly hôn với ông M.

[8] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Văn M có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 05-11-2007 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 29-01-2009, hiện đang sống chung với bà D. Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 15-3-2022, hai cháu Quyên và Thái đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Cả bà D và ông M đều ý kiến thống nhất khi ly hôn tùy nguyện vọng của hai con chung muốn sống chung với cha hay mẹ đều được. Do đó, cần xử cho bà D được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì bà D chưa đặt ra yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn M cùng thống nhất xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về nợ chung*: Do bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn M cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thanh D có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng bà được miễn nộp, vì bà có đơn xin miễn án phí do là cá nhân thuộc hộ cận nghèo (Theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo ngày 01-01-2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn C). Nên hoàn trả lại cho bà Dung 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 21, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 12, 14, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 05-11-2007 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 29-01-2009 cho bà Nguyễn Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh D chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn Miên thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh D được miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nên hoàn trả lại cho bà D 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008543 ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã NL;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo